

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		405.949.883.352	366.212.846.611
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.366.618.989	47.209.886.501
1. Tiền	111		13.114.510.186	18.336.045.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.252.108.803	28.873.841.017
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.904.964.590	7.537.639.389
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.904.964.590	7.537.639.389
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.188.563.302	145.865.879.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.635.807.634	73.339.404.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.564.058.478	8.248.852.208
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	86.997.927.591	69.346.930.114
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.009.230.401)	(5.069.307.401)
IV. Hàng tồn kho	140		183.458.226.243	163.463.148.280
1. Hàng tồn kho	141	V.7	183.780.212.280	163.785.134.317
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(321.986.037)	(321.986.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.031.510.228	2.136.292.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	17.637.000	17.637.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.013.873.228	2.118.655.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.445.454.741	111.208.201.676
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.987.431.393	22.277.990.834
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	69.000.000	5.359.559.441
II. Tài sản cố định	220		14.491.249.140	16.053.865.732
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	14.272.334.265	15.820.356.532
- Nguyên giá	222		25.263.332.141	26.142.723.158
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.990.997.876)	(10.322.366.626)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	218.914.875	233.509.200
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(131.348.925)	(116.754.600)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.217.303.782	147.210.458
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.217.303.782	147.210.458
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	72.773.305.716	65.284.553.704
1. Đầu tư vào công ty con	251		77.519.345.695	77.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(13.106.039.979)	(13.094.791.991)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.100.000.000	600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.976.164.710	7.444.580.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.795.896.186	2.800.719.605
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.180.268.524	4.643.861.343
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		519.395.338.093	477.421.048.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		301.420.278.625	272.297.676.287
I. Nợ ngắn hạn	310		257.214.528.625	253.637.926.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	32.758.731.482	48.799.328.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	99.964.149.347	34.584.957.167
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	1.974.247.616	2.261.306.402
4. Phải trả người lao động	314		2.488.358.832	3.112.350.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	26.733.913.683	31.211.995.116
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		39.792.174.539	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.500.986.750	3.158.871.086
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	51.957.806.404	128.674.011.509
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	1.163.973.559	1.060.295.439
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	(1.119.813.587)	774.810.653
II. Nợ dài hạn	330		44.205.750.000	18.659.750.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	44.205.750.000	18.659.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.975.059.468	205.123.372.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	217.975.059.468	205.123.372.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.182.457.785	30.182.457.785
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.092.601.683	64.240.914.215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		64.240.914.215	9.025.182.671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.851.687.468	55.215.731.544
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		519.395.338.093	477.421.048.287

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.123.792.774	31.245.524.404	17.123.792.774	31.245.524.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.539.091	-	1.539.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	17.123.792.774	31.243.985.313	17.123.792.774	31.243.985.313
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.994.940.615	24.749.120.105	15.994.940.615	24.749.120.105
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.128.852.159	6.494.865.208	1.128.852.159	6.494.865.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.964.115.097	8.494.420.193	15.964.115.097	8.494.420.193
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	344.422.206	537.882.336	344.422.206	537.882.336
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		333.095.179	240.991.963	333.095.179	240.991.963
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	803.675.214	437.828.936	803.675.214	437.828.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.746.626.566	2.891.161.135	2.746.626.566	2.891.161.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.198.243.270	11.122.412.994	13.198.243.270	11.122.412.994
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.176.000	50.662.815	1.176.000	50.662.815
12. Chi phí khác	32	VI.8	336.682.166	35.282.520	336.682.166	35.282.520
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(335.506.166)	15.380.295	(335.506.166)	15.380.295

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.862.737.104	11.137.793.289	12.862.737.104	11.137.793.289
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		547.456.817	953.633.322	547.456.817	953.633.322
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(536.407.181)	65.290.361	(536.407.181)	65.290.361
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.851.687.468	10.118.869.606	12.851.687.468	10.118.869.606

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Ngày 25 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.862.737.104	11.137.793.289
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		809.914.549	853.601.317
- Các khoản dự phòng	03		54.849.108	318.905.864
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.205.082)	9.468.214
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.988.429.567)	(8.067.860.301)
- Chi phí lãi vay	06		333.095.179	240.991.963
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.930.038.709)	4.492.900.346
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.808.486.749	15.707.677.985
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.995.077.963)	(65.869.667.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		85.260.296.746	(31.392.441.631)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.823.419	(1.973.508.780)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(333.095.179)	(240.991.963)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(724.000.000)	876.910.699
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.889.527.000)	(1.102.197.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79.201.868.063	(79.501.318.268)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.111.002.424)	(171.534.531)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		727.272.727	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.500.000.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		632.674.799	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		373.919.346	351.991.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.877.135.552)	180.456.809
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		41.041.514.760	101.231.367.383
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(92.211.719.865)	(12.052.338.059)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(54.170.205.105)	89.179.029.324
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7.154.527.406	9.858.167.865
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.209.886.501	80.587.505.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.205.082	(9.468.214)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		54.366.618.989	90.436.205.068

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯỢNG

TRẦN HOÀNG HUÂN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 05 (năm) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sân giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2016 là 136 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Tiền mặt	648.674.642	480.625.977
Tiền gửi ngân hàng	12.465.835.544 (1.1)	17.855.419.507
Các khoản tương đương tiền	41.252.108.803 (1.2)	28.873.841.017
Cộng	54.366.618.989	47.209.886.501

(1.1) Tại ngày 31/03/2016 tiền gửi ngân hàng là 12.465.835.544 đồng bao gồm:

+ Tiền gửi VND: 12.372.161.906 đồng

+ Tiền gửi USD: 8.670.824 đồng (Tương đương 389,35 USD)

+ Tiền gửi EUR: 85.002.814 đồng (Tương đương 3.383,87 EUR)

(1.2) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Ngắn hạn	17.904.964.590	7.537.639.389
Tiền gửi có kỳ hạn	17.904.964.590	7.537.639.389
Dài hạn	8.100.000.000	600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	8.100.000.000	600.000.000
Cộng	26.004.964.590	8.137.639.389

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên công ty	Số dư 31/03/2016			Số dư 31/12/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	38.000.000.000	-	38.000.000.000	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	25.000.000.000	13.094.791.991	19.629.350.064	25.000.000.000	13.094.791.991	18.932.791.241
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	14.519.345.695	11.247.988	16.355.968.453	14.519.345.695	-	16.367.324.948
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	260.067.351	260.000.000	-	324.840.313
Cộng	77.779.345.695	13.106.039.979	74.245.385.868	77.779.345.695	13.094.791.991	73.624.956.502

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	4.252.399.475	4.414.526.225
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	40.381.060.769	64.125.265.320
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	1.968.249.290	2.386.010.994
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	1.519.262.319	356.366.435
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.514.835.781	2.057.235.781
Cộng	52.635.807.634	73.339.404.755

Bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:

Sở NN & PTNT tỉnh Trà Vinh	16.101.509.813	16.696.749.813
Sở NN & PTNT tỉnh Kiên Giang	7.224.779.000	7.224.779.000
BQL các dự án đầu tư và xây dựng công trình giao thông Tiền Giang	3.648.458.595	8.770.519.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	2.537.600.000	0
Khách hàng khu dân cư Long Thạnh Hưng	1.779.374.670	1.789.374.670
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	3.412.863.405	3.304.864.678
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.500.269.748	32.490.000
Các khách hàng khác	16.430.952.403	35.520.627.594
Cộng	52.635.807.634	73.339.404.755

Trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.500.269.748	32.490.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	3.412.863.405	3.304.864.678
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	-	800.000.000
Cộng	4.913.133.153	3.337.354.678

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	645.711.959	550.348.839
Trả trước cho người bán thi công công trình	12.413.276.574	6.728.268.508
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	20.000.000	3.423
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	485.069.945	970.231.438
Cộng	13.564.058.478	8.248.852.208

Bao gồm các khoản trả trước của người bán sau:

Công ty cổ phần 6.3	3.543.913.524	2.657.599.524
Cty TNHH MTV Xây Dựng Tico	6.731.250.000	1.981.780.394
Các khách hàng khác	3.288.894.954	3.609.472.290
Cộng	13.564.058.478	8.248.852.208

Trong đó trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	6.731.250.000	1.981.780.394

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ phần TESTCO	52.800.000	10.000.000
Cộng	7.552.058.000	2.759.788.394

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
Cộng	16.918.431.393	16.918.431.393

6. Phải thu khác

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
a/ Phải thu ngắn hạn khác	86.997.927.591	69.346.930.114
Công ty TNHH Xây dựng TICCO	7.750.613.273	6.700.537.407
Công ty TNHH Bê tông TICCO	64.884.004.806	50.491.506.551
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Tạm ứng nhân viên	4.914.265.930	5.735.644.229
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.193.874.729	6.164.073.074
b/ Phải thu dài hạn khác	69.000.000	5.359.559.441
Ký quỹ vỏ chai oxy	69.000.000	69.000.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	0	5.290.559.441
Cộng	87.066.927.591	74.706.489.555

*** Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:**

Tuổi nợ	Số dư ngày 31/03/2016	Tỷ lệ trích lập	Mức dự phòng đã trích lập
Quá hạn trên 3 năm	5.009.230.401	100%	5.009.230.401
Cộng	5.009.230.401		5.009.230.401

7. Hàng tồn kho

	Số dư 31/03/2016		Số dư 31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.310.234.405		1.818.810.755	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2016		Số dư 31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	3.999.125.848		3.999.125.848	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	170.185.185.107	(321.986.037)	151.981.234.415	(321.986.037)
Hàng hóa	7.285.666.920		5.985.963.299	
Cộng	183.780.212.280	(321.986.037)	163.785.134.317	(321.986.037)

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Khu dân cư Long Thạnh Hưng	16.637.607.806	16.637.607.806
Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	4.344.428.238	4.310.388.747
Khu nhà ở TM xã Trung An	138.137.262.964	126.735.714.943
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	59.752.428	59.752.428
Khu dân cư Sông Đốc	447.548.000	447.548.000
Các công trình gia công sản phẩm cơ khí	4.302.345.585	690.892.746
Các công trình xây dựng Thủy Lợi	6.256.240.086	3.099.329.745
Cộng	170.185.185.107	151.981.234.415

8. Chi phí trả trước

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	17.637.000	17.637.000
Chi phí khác	17.637.000	17.637.000
b/ Chi phí trả trước dài hạn	2.795.896.186	2.800.719.605
Công cụ, dụng cụ	2.018.372.806	2.108.618.484
Chi phí sửa chữa	512.175.099	426.752.840
Chi phí khác	265.348.281	265.348.281
Cộng	2.813.533.186	2.818.356.605

9. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (01/01/2016)	3.933.306.563	14.064.003.037	7.769.719.922	375.693.636	26.142.723.158
- Mua trong năm		40.909.100			40.909.100
- Thanh lý, nhượng bán		56.664.117	863.636.000		920.300.117
Số dư 31/03/2016	3.933.306.563	14.048.248.020	6.906.083.922	375.693.636	25.263.332.141
Giá trị hao mòn lũy kế					0
Số dư đầu năm (01/01/2016)	2.671.558.561	3.799.815.178	3.517.458.341	333.534.546	10.322.366.626
- Khấu hao trong kỳ	122.679.351	469.133.527	205.593.222	3.011.364	800.417.464
- Thanh lý, nhượng bán		7.083.012	124.703.202		131.786.214
Số dư 31/03/2016	2.794.237.912	4.261.865.693	3.598.348.361	336.545.910	10.990.997.876
Giá trị còn lại					0
- Tại ngày 01/01/2016	1.261.748.002	10.264.187.859	4.252.261.581	42.159.090	15.820.356.532
- Tại ngày 31/03/2016	1.139.068.651	9.786.382.327	3.307.735.561	39.147.726	14.272.334.265

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2016 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của công ty là 24.633.725.343 đồng

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.596.079.036 đồng

10. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Tăng	Giảm	Số dư 31/03/2016
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	116.754.600	14.594.325	-	131.348.925
Giá trị còn lại	233.509.200	14.594.325	-	218.914.875

11. Chi phí xây dựng dở dang

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Chi phí xây dựng nhà máy bê tông	104.591.761	98.134.800
Sửa chữa lớn tài sản cố định	49.075.658	49.075.658
Mua sắm tài sản cố định	968.181.818	-
Chi phí thiết kế tòa nhà văn phòng TICCO	95.454.545	-
Cộng	1.217.303.782	147.210.458

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Số dư đầu kỳ	4.643.861.343	5.172.382.378
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	536.407.181	(528.521.035)
Số dư cuối kỳ	5.180.268.524	4.643.861.343

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	347.557.400	954.514.900
Phải trả người bán thi công công trình	31.845.020.031	46.250.473.331
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	164.831.809	135.215.345
Phải trả người bán thi công cơ giới	182.551.352	186.578.712
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	218.770.890	1.272.546.490
Cộng	32.758.731.482	48.799.328.778

Bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn của các người bán sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	20.103.017.598	34.380.631.295
Công ty CP ĐT & XD TICCO An Giang	1.480.932.426	2.280.932.426
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	2.459.156.114	16.242.700
Công ty CP Xây dựng 43	967.984.807	960.867.057
Cty Cổ Phần Cơ Khí & Xây Lắp 276	637.216.000	637.216.000
CTY CP Công nghệ Công nghiệp Intec	150.853.333	300.853.333
Cty CP ĐT XD Thủy lợi Lâm Đồng	269.500.446	269.500.446
Cty Điện nước Thiên Nhiên Việt	267.815.690	267.815.690
Cty Nạo vét Đường thủy 2	182.461.000	182.461.000
Công ty TNHH Công Nghệ Xây dựng Thịnh Điền	258.526.900	1.625.945.364
DNTN Xây Dựng và Dịch Vụ Dương Thu Sơn	101.318.000	101.318.000
Các khách hàng khác	5.879.949.168	7.775.545.467
Cộng	32.758.731.482	48.799.328.778

Trong đó phải trả người bán là các bên*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	2.459.156.114	16.242.700
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	20.103.017.598	34.380.631.295
Công ty CPĐT & XD TICCO An Giang	1.480.932.426	2.280.932.426
Cộng	24.043.106.138	36.677.806.421

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	0	194.542.500
Người mua thi công công trình trả tiền trước	41.986.859.167	25.472.806.167
Người mua sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	897.397.000	97.397.000
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	33.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	57.072.093.180	8.786.411.500
Cộng	99.964.149.347	34.584.957.167

Bao gồm các khoản trả tiền trước ngắn hạn của các người mua sau:

Ban QLDA chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre	14.634.275.167	14.952.060.167
BQL các DAĐT XD ngành NN Tiền Giang	15.141.589.000	3.376.672.000
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	7.628.800.000	4.400.000.000
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	54.945.681.680	0
Khách hàng KDC Trương Định	2.000.125.000	2.000.125.000
Các khách hàng khác	5.613.678.500	9.856.100.000
Cộng	99.964.149.347	34.584.957.167

Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	97.397.000	97.397.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/03/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.881.237.234	547.456.817	(724.000.000)	1.704.694.051
Thuế thu nhập cá nhân	380.069.168	194.770.429	(305.286.032)	269.553.565
Thuế môn bài		8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	2.261.306.402	750.227.246	(1.037.286.032)	1.974.247.616

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	64.862.949	76.460.600
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	25.391.956.890	26.451.337.986
Chi phí thi công công trình xây dựng	1.089.636.614	2.255.233.224
Phải trả chi phí thi công cơ giới	3.231.000	240.513.927
Chi phí lãi vay phải trả	99.237.046	2.124.963.099
Các chi phí phải trả khác	84.989.184	63.486.280
Cộng	26.733.913.683	31.211.995.116

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Kinh phí công đoàn	49.633.861	32.532.343
Bảo hiểm xã hội	1.654.078	1.654.063
Thù lao HDQT	66.688.732	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Công ty phát triển hạ tầng KCN	0	1.721.032.989
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi đất nền KDC Trương Định	333.999.998	318.999.998
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Các khoản phải trả khác	368.286.494	337.239.374
Cộng	1.500.986.750	3.158.871.086

18. Vay và nợ thuê tài chính*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2016	Trong kỳ		01/01/2016
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	51.957.806.404	14.041.514.760	(90.757.719.865)	128.674.011.509
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>50.351.279.404</i>	<i>14.041.514.760</i>	<i>(85.064.216.865)</i>	<i>121.373.981.509</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	22.260.567.204	13.158.514.760	(11.782.686.865)	20.884.739.309
Vay ngắn hạn cá nhân - Dự án KDC Lê Văn Phẩm (*)	28.090.712.200	883.000.000	(73.281.530.000)	100.489.242.200
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.606.527.000</i>	-	<i>(5.693.503.000)</i>	<i>7.300.030.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	-		(280.000.000)	280.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	1.606.527.000		(5.413.503.000)	7.020.030.000
Vay dài hạn	44.205.750.000	27.000.000.000	(1.454.000.000)	18.659.750.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	-		(407.000.000)	407.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	17.205.750.000		(1.047.000.000)	18.252.750.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	27.000.000.000	27.000.000.000		
Tổng cộng	96.163.556.404	41.041.514.760	(92.211.719.865)	147.333.761.509

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/433488/HĐTD ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng từ 7%/ năm đến 7,2%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản cố định hữu hình, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- (ii) Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/433488/HĐBL ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức bảo lãnh là 150.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.
- (iii) Công ty vay ngắn hạn các cá nhân trong và ngoài Công ty để hỗ trợ cho Dự án KDC Lê Văn Phẩm hay Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, đây là Dự án bán đất nền của Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 9 tháng 01 năm 2014. Các Hợp đồng vay tiền có thời hạn 1 năm, lãi suất vay được thỏa thuận với các đối tượng: 0%/năm cho các đối tượng cho vay thuộc diện đền bù giải tỏa trong Khu Dân cư, 6%/năm cho các đối tượng cho vay trong tháng 02 năm 2015 và 3%/năm cho các đối tượng cho vay trong thời gian sau tháng 02 năm 2015.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An. Công ty đã rút vốn vay trong quý 1 năm 2016 là 27.000.000.000 đồng. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/12/2015
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	294.978.355	295.786.355
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	868.995.204	764.509.084
Cộng	1.163.973.559	1.060.295.439

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 31/03/2016
Quỹ khen thưởng	19.147.372	-	1.747.000.000	-	(1.727.852.628)
Quỹ phúc lợi	695.255.674	-	142.527.000	-	552.728.674
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	59.467.815	-	-	5.097.240	54.370.575
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	939.792	-	-	-	939.792
Cộng	774.810.653	-	1.889.527.000	5.097.240	(1.119.813.587)

21. Vốn đầu tư chủ sở hữu**a. Tình hình vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	28.489.791.061	24.921.335.435	164.111.126.496
Tăng trong năm trước	0	-	1.692.666.724	55.215.731.544	56.908.398.268
Giảm trong năm trước	0	-	-	(15.896.152.764)	(15.896.152.764)
Số dư tại ngày 31/12/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	12.851.687.468	12.851.687.468
Số dư tại ngày 31/03/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	77.092.601.683	217.975.059.468

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/03/2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Cổ phiếu

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chứng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Doanh thu	17.123.792.774	31.245.524.404
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	3.502.437.999	2.827.756.044
Doanh thu thi công công trình xây dựng	11.536.255.397	15.368.908.430
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	751.028.068	3.899.077.886
Doanh thu thi công cơ giới	1.334.071.310	840.869.853
Doanh thu kinh doanh bất động sản		8.308.912.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.539.091
Giảm giá hàng bán	-	1.539.091
Doanh thu thuần	17.123.792.774	31.243.985.313

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	3.315.407.884	2.400.885.077
Giá vốn thi công công trình	10.676.477.989	14.464.852.595

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	677.691.024	3.406.326.849
Giá vốn thi công cơ giới	1.325.363.718	1.626.479.946
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	2.850.575.638
Cộng	15.994.940.615	24.749.120.105
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	315.237.432	340.351.314
Lãi cho vay	42.766.035	74.508.578
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	18.200.000	11.700.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	15.587.911.630	8.067.860.301
+ Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.023.604.648	948.867.971
+ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	14.564.306.982	7.118.992.330
Cộng	15.964.115.097	8.494.420.193
4. Chi phí tài chính		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Chi phí lãi vay	333.095.179	240.991.963
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	11.247.988	296.890.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá	79.039	-
Cộng	344.422.206	537.882.336
5. Chi phí bán hàng		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Chi phí nhân viên	285.487.060	165.391.607
Chi phí vật liệu, bao bì	431.089.121	156.647.571
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	560.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.744.934	34.653.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.802.099	5.754.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí bằng tiền khác	56.552.000	74.821.633
Cộng	803.675.214	437.828.936
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Chi phí nhân viên quản lý	1.445.796.092	1.497.212.413
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	65.805.210	49.599.233
Chi phí dụng cụ quản lý	65.420.722	74.020.726
Chi phí khấu hao	203.554.948	202.622.752
Thuế, phí, lệ phí	68.264.880	49.673.154
Chi phí dự phòng	(60.077.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.382.653	167.159.451
Chi phí bằng tiền khác	855.479.061	850.873.406
Cộng	2.746.626.566	2.891.161.135
7. Thu nhập khác		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Doanh thu cho thuê xe	-	35.992.740
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	14.669.325
Thu khác	1.176.000	750
Cộng	1.176.000	50.662.815
8. Chi phí khác		
	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Lỗ nhượng bán, thanh lý TSCD	16.167.444	-
Tiền phạt	320.514.000	-
Chi phí khác	722	35.282.520
Cộng	336.682.166	35.282.520

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Chi phí nguyên vật liệu	17.365.764.328	15.202.970.230
Chi phí nhân viên	4.665.232.805	5.179.675.929
Chi phí khấu hao	876.588.919	859.250.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.780.519.496	2.215.232.465
Chi phí bằng tiền khác	1.280.286.276	1.799.587.308
Cộng	42.968.391.824	25.256.716.337

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các bên liên quan****1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	42.766.035
		Bán vật liệu xây dựng	3.092.189.818
		Gia công cơ khí	29.476.364
		Thuê thiết bị	113.467.818
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Gia công cơ khí	589.558.977
		Bán vật liệu xây dựng	6.581.818
		Hồ sơ thầu	26.471.218
		Thuê thiết bị	998.376.134
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Bê tông đúc sẵn, bê tông tươi	2.190.275.249
		Cấp vật liệu	84.752.181
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	7.863.030.710

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2016 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2016
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu lợi nhuận 2015	50.276.931.789
		Phải thu lợi nhuận 2016	14.564.306.982

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2016
		Bán vật liệu xây dựng	3.247.436.300
		Thuê thiết bị	115.846.000
		Lãi vay	42.766.035
		Nhượng bán TSCĐ	49.581.105
		Cho vay dài hạn	16.918.431.393
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	26.471.218
		Bán vật liệu xây dựng	39.730.000
		Gia công cơ khí	362.326.000
		Thuê thiết bị	1.098.213.748
		Phải thu lợi nhuận 2015	6.700.537.407
		Phải thu lợi nhuận 2016	1.023.604.648
		Ứng trước thi công công trình	6.731.250.000
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Người mua trả tiền trước	97.397.000
		Mua bê tông	2.409.303.214
		Phải trả tiền thuê cạp vật tư	49.852.900
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	20.103.017.598
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	1.480.932.426

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu quý 1 năm 2016 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ quý 1 năm 2015.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG****LÊ MỸ PHƯỢNG****TRẦN HOÀNG HUÂN**